TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 288/2023/HS-PT
Ngày 16 tháng 5 năm 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Minh

Ông Vương Minh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 46/2023/TLPT-HS ngày 13 tháng 01 năm 2023 đối với bị cáo Trần Thị Ánh N do có kháng cáo của bị cáo Trần Thị Ánh N đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 557/2022/HS-ST ngày 06/12/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị:

Trần Thị Ánh N, sinh ngày 04/8/1961 tại tỉnh Quảng Ngãi; Nơi ĐKHKTT: thôn Đ, phường Đ1, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; Nơi ở: ấp R, xã M, huyện Đ2, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: công nhân; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần H và bà Phan Thị Đ; Có cH và có 04 con, lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất sinh năm 1995; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị Ánh N: Ông Lê Văn T- Luật sư của Văn phòng Luật sư G, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Bị cáo có liên quan đến kháng cáo:

Nguyễn Thị Tuyết H, sinh ngày 28/3/1994 tại tỉnh Thanh Hóa; Nơi ĐKHKTT: 16/2 ấp T1, xã T2, huyện H1, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: công nhân; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Bá H2 và bà Nguyễn Thị

Đ4; Có cH và có 02 con, lớn sinh năm 2019, nhỏ sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Bà Trần Ngọc Kiều X, sinh năm 1989; Nơi cư trú: nhà không số, tổ 10, ấp X1, xã X2, huyện H1, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2. Bà Trần Ngọc Tường V, sinh năm 1984; Nơi cư trú: 611/15 tổ 126, khu phố 13, phường B1, quận B2, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3. Bà Hồ Thị Thu T3, sinh năm 1997; HKTT: Thôn P, xã Đ5, huyện B2, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

4. Ông Nguyễn Phi H3, sinh năm 1973; Nơi cư trú: 552A Tỉnh lộ 15, ấp 4a, xã T4, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 30/9/2019, Tổ công tác Công an huyện H1 tuần tra phát hiện Trần Nhật M1(sinh năm 1995, nơi cư trú: nhà không số, hẻm 86/1Đ, tổ 10, ấp X1, xã X2, huyện H1, Thành phố Hồ Chí Minh) có biểu hiện nghi vấn nên mời về trụ sở làm việc. Tại đây, M1 thừa nhận việc cùng đồng bọn thực hiện nhiều vụ phạm tội, trong đó có vụ lấy trộm xe mô tô Exciter biển số 52Y2-748.29 vào ngày 17/8/2019 tại trước nhà số 74A Đường 458, ấp T5, xã T6, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Công an huyện H1 bàn giao M1 cho Công an huyện C thụ lý theo thẩm quyền (Bút lục 265-266).

Sau khi biết M1 bị bắt, Trần Thị Ánh N là mẹ của M1 và Hồ Thị Thu T3 (là bạn gái của M1, cùng nơi cư trú với M1 thông qua một người tên Dương (chưa rõ lai lịch) liên hệ với Nguyễn Thị Tuyết H để nhờ giúp "lo" cho M1. H nói có quen biết Điều tra viên tên H3 thuộc Công an huyện H1, có thể giúp M1 được tại ngoại điều tra, hưởng án treo và dẫn N, T3 cùng đến trụ sở Công an huyện H1. Tại đây, N và T3 đứng đợi bên ngoài, H đi vào bên trong. Khoảng 15 phút sau, H đi ra nói H3 báo chi phí "lo" cho M1 được tại ngoại là 100.000.000 đồng; nếu muốn M1 được tuyên mức án thấp thì phải đợi hồ sơ kết thúc, bản án 18 tháng tù giá 80.000.000 đồng, án treo giá 100.000.000 đồng. Ngoài ra, H lấy riêng "tiền cà phê" là 10.000.000 đồng. N đồng ý và nhờ H "lo" cho M1 được thả ra.

Ngày 03/10/2019, tại tiệm game bắn cá, địa chỉ: nhà không số, tổ 108, ấp T1, xã T2, huyện H1, Thành phố Hồ Chí Minh, Hồ Thị Thu T3 và Trần Ngọc Kiều X (là con của N) đưa H 10.000.000 đồng.

Ngày 04/10/2019, tại nhà N, Trần Thị Ánh N đưa H 40.000.000 đồng và viết "Giấy giao nhận tiền" về việc đã đưa tiền cho H hai lần, tổng cộng 50.000.000 đồng. Thu T3 chứng kiến sự việc và cùng N, H ký tên vào giấy, , nội

dung “lo cho tên Trần Nhật M1 đang bị tạm giam tại Công an huyện Củ chi để được thả ra”.

Ngày 05/10/2019, cũng tại nơi đã đưa tiền lần đầu, N đưa H 40.000.000 đồng, có Thu T3, Kiều X và Trần Ngọc Tường V (cũng là con của N) chứng kiến. N viết tiếp vào “Giấy giao nhận tiền” về việc đưa thêm tiền và cùng T3, Tường V, H ký tên xác nhận, nội dung “ lo cho con được thả ra hưởng sự khoan hồng của pháp luật là hưởng án treo. Nếu H không lo được như lời đã hứa thì số tiền đã nhận sẽ hoàn trả lại”. (Bút lục 259-260)

Do không đủ 110.000.000 đồng như thỏa thuận lúc đầu, nên N nhờ H ứng trước 20.000.000 đồng; N hứa sẽ trả lại số tiền này cho H sau và H đồng ý. Tuy nhiên, sau vài ngày M1 vẫn chưa được thả nên N dùng số điện thoại 0707112179 gọi cho H qua số điện thoại 0907336736 để hỏi thăm tình hình. Lúc này, H yêu cầu bà N phải đưa đủ 20.000.000 đồng còn lại, nhưng N không đồng ý và nói không “lo” cho M1 nữa, yêu cầu H trả lại tiền. H đồng ý và hẹn vài ngày sau sẽ trả tiền. Sau đó, có một người sử dụng số điện thoại 0328830303 gọi cho Thu T3 qua số điện thoại 0967292867; người này tự xưng là Điều tra viên H3 thuộc Công an huyện H1. T3 đưa điện thoại cho Kiều X nói chuyện, đồng thời T3 mở loa ngoài để ghi âm lại. Người tên H3 thừa nhận đã nhận 100.000.000 đồng từ H và đã đưa tiền cho Công an huyện C để “lo” cho M1 nhưng sau đó H nói gia đình không “lo” cho M1 nữa, muốn lấy lại tiền nên người này gọi điện thoại để xác nhận lại và hẹn sẽ trả lại tiền sau vì cần có thời gian để lấy lại tiền.

Ngày 09/10/2019, Công an huyện C liên hệ yêu cầu Trần Thị Ánh N làm thủ tục bảo lãnh cho M1 được tại ngoại điều tra. N cho rằng không phải do H giúp đỡ mà M1 được thả ra nên tiếp tục yêu cầu H trả lại tiền nhưng H chỉ hứa hẹn mà không thực hiện. Vì vậy, N cho rằng H đã lừa đảo chiếm đoạt tiền của mình nên ngày 28/10/2019 và ngày 04/11/2019 N làm đơn tố cáo H (Bút lục 71-73).

Tại Cơ quan điều tra, Trần Thị Ánh N, Hồ Thị Thu T3, Trần Ngọc Kiều X, Trần Ngọc Tường V khai diễn biến sự việc như trên và nhận dạng được H. Trần Thị Ánh N giao nộp “Giấy giao nhận tiền” giữa N với H cùng một USB có chứa các đoạn ghi âm về các cuộc nói chuyện giữa N, T3, Kiều X với H và với người tự xưng tên H3.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Thị Tuyết H thừa nhận việc nhận tiền của N để giúp “lo” cho con của N như diễn biến nêu trên. H khai có quen biết Điều tra viên Nguyễn Phi H3 của Công an huyện H1, nên sau khi N nhờ giúp đỡ, H đã gọi điện thoại trình bày sự việc và được H3 hẹn gặp nên H cùng N, T3 đi đến Công an huyện H1. H và H3 nói chuyện tại một ghế đá trong Công an huyện H1; ông H3 báo giá “lo” cho M1 được tại ngoại là 100.000.000 đồng, nên H báo lại với N và yêu cầu được hưởng riêng thêm 10.000.000 đồng như diễn biến nêu trên. Sau mỗi lần H nhận tiền từ phía bà N, H đều mang đến đưa cho H3 tại quán cà phê trước Công an huyện, không có ai chứng kiến, việc giao nhận tiền giữa hai bên

không viết giấy tờ biên nhận gì. H chỉ đưa H3 90.000.000 đồng, không ứng thêm 10.000.000 đồng để đưa đủ 100.000.000 đồng, nên ông H3 nhiều lần gọi điện thoại yêu cầu H phải đưa đủ tiền. Do đó, H cũng gọi điện thoại hối thúc phía N đưa thêm 20.000.000 đồng. Khi phía N yêu cầu trả lại tiền, H cũng gọi điện thoại báo lại H3 và H3 nói sẽ trực tiếp gọi cho N để giải quyết. Tuy nhiên, sau đó N vẫn gọi điện thoại yêu cầu H trả lại tiền nên H cũng gọi điện thoại cho H3 nhưng H3 chỉ hứa hẹn mà không trả lại tiền. Hiện nay, H không có tiền trả lại cho N.

Trần Thị Ánh N khai: N có đưa tiền cho H và diễn biến sự việc như sự việc nêu trên. Tuy nhiên, khi Công an huyện C liên hệ và yêu cầu H đến bảo lãnh cho M1 tại ngoại điều tra thì H không biết việc này và vẫn tiếp tục đòi số tiền còn lại, N nghĩ H không giúp gì được cho Minh. Do đó, N nói H không giúp nữa và yêu cầu H trả lại tiền. H hứa hẹn nhiều lần không trả nên N tố cáo H đến Cơ quan điều tra. Lúc đầu, N thừa nhận hành vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật, nhưng sau đó thay đổi lời khai và cho rằng mình bị oan.

Nguyễn Phi H3 - Điều tra viên Đội Cảnh sát hình sự Công an huyện H1 khai: có quen biết Nguyễn Thị Tuyết H và có gặp H tại ghế đá trong Công an huyện H1 vào đầu tháng 10/2019 nhưng là để hướng dẫn cho H về thủ tục thăm nuôi người bị bắt. Những ngày sau, H có gọi điện thoại cho H3 để hỏi thêm về thủ tục này và H3 cũng hướng dẫn cho H. H3 không thừa nhận việc nhận tiền của H để giúp "lo" cho Trần Nhật M1 được tại ngoại điều tra, không gọi điện thoại cho N hay người nhà của N.

Kết quả giám định số 804/KLGĐ-TT ngày 14/5/2020: đối với "Giấy giao nhận tiền": Chữ viết, chữ ký họ tên Trần Thị Ánh N, Nguyễn Thị Tuyết H, Hồ Thị Thu T3, Trần Ngọc Tường V tại giấy này và chữ viết, chữ ký họ tên của Trần Thị Ánh N, Nguyễn Thị Tuyết H, Hồ Thị Thu T3 và Trần Ngọc Tường V tại mẫu so sánh là của cùng một người ký, viết ra.

Tại Kết luận giám định số 2201/C09B ngày 31/7/2020; Kết luận giám định số 5423/C09B ngày 10/3/2021: Không phát hiện dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa trong mẫu cần giám định. Tiếng nói của người nam trong file âm thanh mẫu cần giám định "ca hócmon.mp3" không đủ điều kiện giám định. Do mẫu tiếng nói người nam bị nhiễu, vang và tiếng nói so sánh ghi âm trong môi trường không tương ứng với mẫu cần giám định; tiếng nói của người nữ xưng "em, chị" là tiếng nói của Trần Ngọc Kiều X; tiếng nói của người nữ xưng "cô" là tiếng nói của Trần Thị Ánh N; tiếng nói của người nữ được gọi là "H" là tiếng nói của Nguyễn Thị Tuyết H.

Kết quả trích xuất dữ liệu cuộc gọi và tin nhắn từ ngày 30/10/2019 đến ngày 15/11/2019 trong điện thoại của Nguyễn Thị Tuyết H: không có dữ liệu, thông tin liên quan đến sự việc.

Kết luận giám định số 1240/09B ngày 16/4/2020 xác định: Không có thông tin dữ liệu đăng ký đối với số điện thoại 0328830303. Số điện thoại 0907336736 (do Nguyễn Thị Tuyết H sử dụng) có liên lạc với số điện thoại

0918475309 (do Nguyễn Phi H3 sử dụng) 04 lần từ ngày 04/10/2019 đến ngày 09/10/2019, liên lạc với số điện thoại 0328830303 hai lần vào ngày 10/10/2019.

Kết quả xác minh tại Công an huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh:

Ngày 01/10/2019, Công an huyện C tiếp nhận đối tượng Trần Nhật M1 và hồ sơ do Công an huyện H1 bàn giao. Ngày 04/10/2019, Công an huyện C khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra lệnh bắt bị can để tạm giam đối với M1 về tội "Trộm cắp tài sản". Ngày 07/10/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện C phê chuẩn quyết định khởi tố bị can, nhưng không phê chuẩn lệnh bắt bị can để tạm giam đối với M1; cùng ngày, Công an huyện C ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với M1. Ngày 25/01/2020, Công an huyện C ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can đối với M1 do M1 đã bỏ trốn.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 557/2022/HS-ST ngày 06/12/2022 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xử:

Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 5 Điều 365; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Tuyết H 02 (hai) năm tù về tội "Môi giới hối lộ". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Tuyết H phải nộp phạt số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 5 Điều 364; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trần Thị Ánh N 02 (hai) năm tù về tội "Đưa hối lộ". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Buộc bị cáo Trần Thị Ánh N phải nộp phạt số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/12/2022, bị cáo Trần Thị Ánh N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Thị Ánh N vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Bị cáo hiện nay bị bệnh quá nhiều, biết hành vi của mình là sai trái, bị cáo bị hở van tim, thoái hóa, gai cột sống, thoát vị đĩa đệm, mỡ chèn ép, sống phụ thuộc vào con.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Tình tiết của vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm đã làm rõ. Muốn lo cho con là Trần Nhật M1 được tại ngoại, bị cáo Trần Thị Ánh N đưa tiền cho bị cáo Nguyễn Thị Tuyết H để đưa cho người có chức vụ quyền hạn. Vụ án được điều tra khởi tố tại Công an huyện C. Sau khi đưa tiền 03 lần, con của bị cáo N được tại ngoại. Qua kết quả điều tra, bị cáo H không chứng minh được tiền giao cho ai. Bị cáo H

trình bày đưa tiền cho Điều tra viên Nguyễn Phi H3 nhưng không có chứng cứ chứng minh và H3 cũng không thừa nhận. Thực tế trong suốt quá trình con của bị cáo N bị tạm giữ cho đến khi tại ngoại, bản thân H không biết. Sau khi con của bị cáo N được tại ngoại, H vẫn tiếp tục yêu cầu N đưa tiền. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo H cũng thừa nhận thời điểm con của N được tại ngoại, H không biết. Đủ cơ sở xác định, sau khi nhận tiền của N 90.000.000 đồng, H không tác động gì đến người có chức vụ quyền hạn, Công an huyện C để con của N được thả ra. Hành vi của N không phải tội "Đưa hối lộ", hành vi của H không phải tội "Môi giới hối lộ". Theo quan điểm của Viện kiểm sát thì hành vi của H có dấu hiệu của tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Để đảm bảo chính xác tội danh, cần phải hủy án để điều tra lại. H không kháng cáo nhưng tội danh của H có liên quan đến N. Riêng đối với N, ý thức chủ quan của N mục đích đưa tiền cho người có chức vụ quyền hạn để lo cho con được tại ngoại là ý thức đưa hối lộ. Tuy nhiên, tại khoản 7 Điều 364 Bộ luật Hình sự quy định về chính sách xử lý đối với người đưa hối lộ chủ động tố giác tội phạm thì chính sách tội phạm sẽ khoan H. Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng pháp luật phù hợp. Bị cáo N tố giác ai, như thế nào, cơ quan tố tụng giải quyết ra sao để có chính sách pháp luật phù hợp với bị cáo. Trên cơ sở đó, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử hủy án để điều tra lại vụ án theo đúng quy định pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị Ánh N trình bày: Toàn bộ hồ sơ vụ án, bị cáo H có nhiều lời khai mâu thuẫn, không đúng. Lúc đầu, H khai giao tiền cho một người tên Tý để Tý giao cho H3. Sau đó, H lại khai giao tiền cho H3. H có hành vi lừa dối, khai không đúng sự thật. Trần Nhật M1 là con của bà N bị bắt về hành vi trộm cắp tài sản và được tại ngoại. Bị cáo H không biết M1 được tại ngoại. Sau khi M1 được tại ngoại, H vẫn tiếp tục yêu cầu N đưa tiền. Cho thấy, H nhận tiền từ N nhưng không có làm việc gì, không biết con của N tại ngoại. Bản án sơ thẩm xử bị cáo H tội "Mối giới hối lộ" và bị cáo N tội "Đưa hối lộ" là không đúng, không có cơ sở. H có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. H không biết M1 được tại ngoại. Ngay tại phiên tòa hôm nay và quá trình lấy lời khai của Cơ quan điều tra, H không chứng minh được việc giao tiền cho H3. H3 cũng xác định H3 không nhận tiền từ H và Kết luận giám định không xác định được giọng nói của H3. H có hành vi lừa dối bà N. Bị cáo H có đủ yếu tố cấu thành của tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", hành vi gian dối, nhận tiền không làm gì. Bản thân H khi nhận tiền, không đảm nhiệm chức vụ quyền hạn gì. Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo H nói giao tiền cho H3. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo N mới biết đây là ông H3 nhưng trước đó không biết. Số điện thoại đuôi 3030 đã điện thoại cho N, bà N cũng không xác định được có phải là Điều tra viên H3 hay không, có thể H nhờ người khác gọi điện thoại mục đích để N tin và chiếm đoạt tiền. Từ cơ sở trên, H có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Cơ quan điều tra không chứng minh được người nhận tiền là ai nên không thể quy kết N có hành vi đưa hối lộ. Đề nghị hủy án điều tra hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của H. Bị cáo H có hành vi lừa đảo, chưa xác định người có chức vụ, quyền hạn là ai. Tòa án cấp sơ thẩm xử N tội "Đưa hối lộ" và H tội "Mối giới hối lộ" là không đúng. N không phạm tội "Đưa hối lộ" vì không xác định được người nhận hối lộ là ai.

Bị cáo N trình bày: Bị cáo thống nhất ý kiến như Luật sư trình bày.

Bị cáo H trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bị cáo tội "Môi giới hối lộ", thời gian điều tra tại Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã cho bị cáo đối chất với H3. Ban đầu bị cáo có khai đưa tiền cho Tý do lúc đầu bị cáo bị bắt, tâm lý hoảng sợ nên có hành vi muốn đổ tội cho người khác. Sau này, bị cáo mới khai sự thật. Thực tế bị cáo có đưa tiền cho H3 nhưng không có giấy tờ giao nhận tiền. Việc tiếp xúc với N và người nhà của N là do N chủ động tìm gặp bị cáo. Bị cáo có lo cho M1, bị cáo có đứng ra chỉ đường cho N lên Công an huyện C, hướng dẫn đường đi nước bước cho N. Bị cáo đòi 20.000.000 đồng vì N nói vài bữa nữa sẽ chạy tiền đưa cho bị cáo nên bị cáo mới hối thúc N như vậy. Mong Hội đồng xét xử xem xét.

Người bào chữa cho bị cáo N trình bày: Bị cáo H cho rằng trước khi M1 tại ngoại H là người hướng dẫn cho N. H không biết quy định của pháp luật về thăm nuôi, bảo lãnh, việc này đã thừa nhận tại Tòa, bị cáo H cho rằng tư vấn, hỗ trợ cho N là không đúng. Bị cáo H cho rằng nhờ Điều tra viên H3 nhưng tại phiên tòa hôm nay ông H3 chỉ nói H điện thoại và gặp để hỏi thủ tục thăm nuôi. Lời khai của H không có cơ sở. M1 tại ngoại do nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, gia đình bảo lãnh tại ngoại, thuộc trường hợp được tại ngoại, không phải tác động của cơ quan nào hay tác động của H. H không chứng minh được việc đưa tiền, H3 không thừa nhận việc nhận tiền. Cơ quan điều tra nêu rõ, tiền H cầm giữ không đưa ai.

Bị cáo N nói lời nói sau cùng: Hiện nay bị cáo rất nhiều bệnh, bị cáo bị hở van tim, thoái hóa, gai cột sống, thoát vị đĩa đệm, mỡ chèn ép, huyết áp, sống phụ thuộc vào con, gia đình khó khăn. Mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng án treo hoặc như ý kiến của luật sư trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trần Thị Ánh N thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung án sơ thẩm:

Vào ngày 30/9/2019, Trần Nhật M1 là con của bị cáo Trần Thị Ánh N bị Công an huyện H1 phát hiện cùng đồng phạm thực hiện nhiều vụ phạm tội, trong đó có vụ trộm cắp xe mô tô trên địa bàn huyện C. Do đó, Công an huyện H1 bàn giao M1 cho Công an huyện C thụ lý theo thẩm quyền. Thông qua giới thiệu, bị cáo N đã liên hệ với Nguyễn Thị Tuyết H để nhờ giúp lo cho M1 được tại ngoại. Khi bị cáo H nói là có quen biết và sẽ nhờ Điều tra viên tên H3 thuộc Công an huyện H1 lo giúp M1 được tại ngoại điều tra, hưởng án treo với giá là 100.000.000 đồng, bị cáo H lấy thêm 10.000.000 đồng tiền cà phê, thì bị cáo N đã đồng ý.

Vào các ngày 03/10/2019, 04/10/2019 và 05/10/2019, tại nhà bị cáo N và tại tiệm game bắn cá tại địa chỉ nhà không số, tổ 108, ấp T1, xã T2, huyện H1, bị cáo N đã đưa cho bị cáo H tổng số tiền là 90.000.000 đồng.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Trần Thị Ánh N về số lần giao nhận, số tiền đã nhận hoàn toàn phù hợp với tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Trần Thị Ánh N, ý kiến của người bào chữa cho bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo N cũng thừa nhận do Trần Nhật M1 là con của bị cáo N bị bắt, bị cáo N chỉ nghe loáng thoáng, không nhận được tài liệu gì của cơ quan chức năng thể hiện Minh bị bắt. Thông qua đối tượng tên Dương (không rõ lai lịch) gọi điện cho T3 (bạn M1) nói biết H có mối quan hệ, quen biết nhiều người có thể lo cho M1 được tại ngoại. Dương dẫn N, T3 đến gặp H. H hứa sẽ lo cho M1 được tại ngoại. N đồng ý đưa tiền cho H để đưa cho người có chức vụ quyền hạn để lo cho con N tại ngoại. Việc làm của N là trái pháp luật. Người tiếp nhận thông tin này là H. H lợi dụng việc N lo lắng cho con, đặt ra có quen biết với Điều tra viên Nguyễn Phi H3. H có dẫn N đến trụ sở Công an huyện H1 nhưng N đứng ở ngoài để tạo niềm tin nhằm chiếm đoạt tài sản của N. Thực tế, H đã nhận tổng cộng của N 90.000.000 đồng nhưng không đưa cho H3. Cả H và H3 đều là người không có chức vụ, quyền hạn để cho M1 được tại ngoại. H3 là điều tra viên của Công an huyện Hóc Môn, không được phân công giải quyết hồ sơ của M1. Công an huyện Củ Chi là nơi giữ M1. N1làm thủ tục bảo lãnh cho M1 tại Công an huyện Củ Chi nhưng H vẫn tiếp tục đòi tiền và không biết M1 được thả.

Do đó, cần phải điều tra làm rõ vai trò của Dương, việc thỏa thuận của H và N "lo" cái gì, cho ai. H đặt vấn đề như thế nào và N đặt vấn đề như thế nào để làm rõ thỏa thuận của H và N. H lo về thủ tục pháp lý hay là đưa cho người có chức vụ quyền hạn. Từ đó làm rõ ý thức của N. Theo H thì H đưa tiền cho H3. H3 có thẩm quyền giải quyết vụ việc của M1 không? H3 có nhờ Công an huyện Củ Chi để giải quyết việc của M1 không? Công an huyện Củ Chi là nơi giữ M1. H và H3 có nhờ Công an huyện Củ Chi không? Nếu có, cụ thể là ai?

Những vấn đề này, trong quá trình điều tra và Tòa án cấp sơ thẩm chưa điều tra làm rõ. Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được.

Cấp sơ thẩm xử H tội "Môi giới hội lộ". H không kháng cáo nhưng hành vi của N có liên quan đến tội danh của H. Hội đồng xét xử thống nhất hủy toàn bộ án sơ thẩm để điều tra lại theo quy định của pháp luật như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và ý kiến của người bào chữa cho bị cáo N tham gia phiên tòa đề nghị.

[3.3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và ý kiến của người bào chữa cho bị cáo N đề nghị hủy án sơ thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Bị cáo N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355; Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trần Thị Ánh N.

Hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 557/2022/HS-ST ngày 06/12/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh điều tra xử lý theo thủ tục chung.

2. Bị cáo Trần Thị Ánh N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện trưởng VKSND tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu (Án - Trúc).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Đinh Ngọc Thu Hương